NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Về Nghị định số 416/2026/NĐ-CP ngày 19/11/2026 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Ngày 19 tháng 11 năm 2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 416/2026/NĐ-CP quy định về chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). Việc ban hành Nghị định này nhằm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035, thay thế Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện trong giai đoạn 2021-2025. Đây là cơ sở pháp lý để Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) triển khai các chương trình cho vay ưu đãi đối với hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh sống ở thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động hợp pháp tại vùng đồng bào DTTS&MN. Nghị định số 416/2026/NĐ-CP bao gồm 06 Chương, 33 Điều quy định 05 chính sách tín dụng ưu đãi: ***(i)*** cho vay hỗ trợ đất ở, ***(ii)*** cho vay hỗ trợ nhà ở, ***(iii)*** cho vay hỗ trợ đất sản xuất, ***(iv)*** cho vay hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề, ***(v)*** cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Nghị định bao gồm những điểm mới và các nội dung chính như sau:

1. Những nội dung sửa đổi

So với quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, Nghị định số 416/2026/NĐ-CP đã điều chỉnh, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 và các văn bản hướng dẫn liên quan, cũng như phù hợp với thực tiễn triển khai các chương trình tín dụng của NHCSXH hiện nay, cụ thể như sau:

1.1. Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định này bao gồm: ***(i)*** Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước gồm nguồn vốn bố trí từ ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035; Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV; ***(ii)*** Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho NHCSXH theo quy định của pháp luật.

1.2. Quy định về bảo đảm tiền vay được sửa đổi phù hợp với các quy định hiện hành đang triển khai tại NHCSXH theo hướng: Hộ gia đình người dân tộc

thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp, hộ gia đình vay vốn theo quy định tại Nghị định này không phải thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHCSXH về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay đối với mức vay trên 200 triệu đồng.

1.3. Một số nội dung về các chính sách tín dụng: cho vay hỗ trợ đất ở, cho vay hỗ trợ nhà ở, cho vay hỗ trợ đất sản xuất, cho vay hỗ trợ học nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề:

- *Chính sách cho vay hỗ trợ đất ở:* Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ, sinh sống ở thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tối đa 100 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm với lãi suất 3%/năm.

- *Chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở:* Hộ gia đình người dân tộc thiểu số, Hộ gia đình người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật về chuẩn nghèo trong từng thời kỳ, sinh sống ở thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được vay tối đa 100 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay tối đa là 15 năm với lãi suất 3%/năm.

- *Chính sách cho vay hỗ trợ đất sản xuất:* Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo quy định của địa phương được vay tối đa 200 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ. Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

- *Chính sách cho vay hỗ trợ học nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề:* Hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có đất sản xuất hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo quy định của địa phương được vay vốn với mức tối đa như sau: ***(i)*** Mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ. ***(ii)*** Mức cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề không vượt quá 200 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay tối đa: ***(i)*** Thời hạn cho vay học nghề được áp dụng theo chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ. ***(ii)*** Thời hạn cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề tối đa là 10 năm. Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

1.4. Trách nhiệm của các cơ quan: Các nội dung về trách nhiệm của các cơ quan được sửa đổi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương sau sắp xếp và nhiệm vụ được Chính phủ giao thực hiện các Chương trình MTQG, đồng thời trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các cơ quan trong quá trình xin ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định.

2. Những nội dung bổ sung

- Bổ sung chính sách cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất: Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động hợp pháp tại vùng đồng bào DTTS&MN được vay tối đa 200 triệu đồng/hộ gia đình và 10 tỷ đồng/doanh nghiệp. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm

với lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

- Bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp đối với trường hợp thỏa thuận tín dụng đã được ký kết theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP theo hướng: Đối với các thỏa thuận tín dụng giữa NHCSXH và khách hàng vay vốn đã ký kết theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP trước ngày Nghị định số 416/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, NHCSXH và khách hàng vay vốn tiếp tục thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm đã ký kết. Khách hàng còn dư nợ khoản vay hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Nghị định số 416/2026/NĐ-CP thì được xem xét cho vay bổ sung nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định của từng chính sách cho vay tại Nghị định này.

3. Nghị định số 416/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Như vậy, Nghị định số 416/2026/NĐ-CP được ban hành đã cụ thể hóa các chính sách tín dụng ưu đãi để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035. Nghị định tiếp tục kế thừa những ưu điểm của Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, đồng thời khắc phục những bất cập của các quy định trong giai đoạn trước, bảo đảm hoạt động tín dụng chính sách xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho các đối tượng chính sách tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, giúp phát huy vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035.

Nghị định số 416/2026/NĐ-CP đã góp phần củng cố nền tảng pháp lý cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tiếp tục phát huy vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống của người dân./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM